

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
KỲ BÁO CÁO KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Bảng cân đối kế toán	2 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	5- 6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7- 8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21

CK - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN - QUÝ IV

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		191,608,598,126	174,190,076,146
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110		66,847,700,680	58,931,627,651
1. Tiền		111	V.01	66,847,700,680	58,931,627,651
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120	V.03	27,729,243,855	32,990,167,993
1. Đầu tư ngắn hạn		121		27,768,305,830	33,584,349,469
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129		(39,061,975)	(594,181,476)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130	V.04	94,962,534,919	80,182,007,734
1. Phải thu khách hàng		131		956,130,832	2,037,348,572
2. Trả trước cho người bán		132		3,395,208,780	2,539,332,700
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		134		76,300,206,623	62,661,927,201
5. Các khoản phải thu khác		135		14,862,205,419	13,500,737,382
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139		(551,216,735)	(557,338,121)
IV. Hàng tồn kho		140		-	-
1. Hàng tồn kho		141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		2,069,118,672	2,086,272,768
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		425,264,359	294,303,780
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.05	1,643,854,313	1,791,968,988

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, HN

Tel: 04.35730073 Fax: 04.35730088

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**Mẫu số B 01 - CTCK**

Ban hành theo T.Tư số 95/2208/TT-BTC

Ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ TC

Ban hành theo T.Tư số 95/2208/TT-BTC

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50,302,437,804	53,101,121,684
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		14,192,193,737	17,196,480,654
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	2,686,750,536	2,641,501,091
	<i>Nguyên giá</i>	222		11,893,249,011	12,121,921,632
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(9,206,498,475)	(9,480,420,541)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	11,505,443,201	14,554,979,563
	<i>Nguyên giá</i>	228		29,220,496,930	28,420,496,930
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(17,715,053,729)	(13,865,517,367)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.03	32,000,000,000	32,000,000,000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
4.	Đầu tư dài hạn khác	258		32,000,000,000	32,000,000,000
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		4,110,244,067	3,904,641,030
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	432,848,589	500,250,258
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263		3,246,095,478	2,973,090,772
4.	Tài sản dài hạn khác	268	V.09	431,300,000	431,300,000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		241,911,035,930	227,291,197,830

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, HN

Tel: 04.35730073 Fax: 04.35730088

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kê toán tổng hợp (tiếp theo)**Mẫu số B 01 - CTCK**

Ban hành theo T.Tư số 95/2208/TT-BTC

Ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ TC

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		67,577,098,022	62,375,409,246
I. Nợ ngắn hạn	310		67,577,098,022	62,375,409,246
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		1,185,284,497	1,041,629,977
3. Người mua trả tiền trước	313		227,000,000	53,500,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	2,219,741,460	513,407,228
5. Phải trả người lao động	315		48,630,332	382,811,162
6. Chi phí phải trả	316		532,328,249	769,983,486
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	4,762,671,414	1,301,405,674
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.12	58,323,849,104	57,650,441,664
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		81,900	81,900
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		1,000	1,000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		45,346,483	45,346,483
13. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328	V.13	232,163,583	616,800,672
14. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		174,333,937,908	164,915,788,584
I. Vốn chủ sở hữu	410		174,333,937,908	164,915,788,584
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		161,000,000,000	161,000,000,000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		271,963,694	271,963,694
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		271,963,694	271,963,694
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12,790,010,520	3,371,861,196
10. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		241,911,035,930	227,291,197,830

Phụ trách kế toán

Dương Thu Hà

Lập, ngày 14 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám Đốc



Đoàn Ngọc Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, HN

Tel: 04.35730073 Fax: 04.35730088

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 02 - CTCK

Ban hành theo T.Tư số 95/2208/TT-BTC

Ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý IV năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2013	Quý IV/2014	Kỳ trước		Kỳ này	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8,346,154,893	13,854,283,379	26,585,172,671	35,848,402,176		
<i>Trong đó</i>								
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		2,515,542,912	6,879,730,037	7,911,188,280	15,480,415,242		
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		784,880,877	622,398,900	4,021,851,929	3,028,528,178		
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-	-	-		
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-	-	-		
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		991,878,907	2,164,727,274	1,044,454,543	2,434,272,728		
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		86,583,751	98,573,396	119,248,073	363,414,041		
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-	-	-		
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		670,455,034	630,400,814	2,641,818,611	2,616,840,369		
- Doanh thu khác	01.9		3,296,813,412	3,458,452,958	10,846,611,235	11,924,931,618		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02							
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		8,346,154,893	13,854,283,379	26,585,172,671	35,848,402,176		
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.15	3,056,370,909	3,177,766,716	10,820,593,595	11,978,666,200		
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		5,289,783,984	10,676,516,663	15,764,579,076	23,869,735,976		
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,859,880,394	3,091,629,710	14,231,228,145	11,836,501,003		
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,429,903,590	7,584,886,953	1,533,350,931	12,033,234,973		
8. Thu nhập khác	31		64,463,101	9,843,621	1,196,168,808	128,424,157		

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2013	Quý IV/2014	Kỳ trước	Kỳ này
9. Chi phí khác	32		3,314,555	-	1,153,490,963	133,392,995
10. Lợi nhuận khác	40		61,148,546	9,843,621	42,677,845	(4,968,838)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,491,052,136	7,594,730,574	1,576,028,776	12,028,266,135
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.16	422,708,855	1,662,898,023	422,708,855	2,610,116,811
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2,068,343,281</u>	<u>5,931,832,551</u>	<u>1,153,319,921</u>	<u>9,418,149,324</u>
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				72	585

Phụ trách kế toán


Dương Thu Hà

Hà Nội, Ngày 14 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám Đốc




Đoàn Ngọc Hoàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý IV năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm 2014	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01		12,028,266,135	1,576,028,776
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3,575,614,296	5,005,928,355
- Các khoản dự phòng	03		(561,240,887)	(115,028,356)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14,953,459,796)	(9,438,097,146)
- Chi phí lãi vay	06			-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		89,179,748	(2,971,168,371)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16,693,369,002)	(34,372,970,109)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6,248,418,517	16,658,409,923
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(63,558,910)	372,204,938
- Tiền lãi vay đã trả	13			-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(992,429,741)	(635,272,017)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	427,179,755
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11,411,759,388)	(20,521,615,881)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(571,327,379)	(3,892,916,400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	814,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		5,000,000,000	5,000,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14,953,459,796	5,650,138,414
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		19,382,132,417	7,571,222,014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, HN

Tel: 04.35730073 Fax: 04.35730088

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**Mẫu số B 03 - CTCK**

Ban hành theo T.Tư số 95/2208/TT-BTC

Ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ TC

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm 2014	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(54,300,000)	(16,500,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(54,300,000)	(16,500,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong quý	50		7,916,073,029	(12,966,893,867)
Tiền và tương đương tiền đầu quý	60	V.1	58,931,627,651	71,898,521,518
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ng	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	66,847,700,680	58,931,627,651

Phụ trách kế toán


Dương Thu Hà

Lập, ngày 14 tháng 01 năm 2015

**Đoàn Ngọc Hoàn**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM
 Địa chỉ : Tầng 1, toà nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
 Tel: 04.35730073 Fax: 04.35730088
 Kỳ báo cáo kết thúc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Phụ lục số 03
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Ban hành theo T.Tư số 95/2208/TT-BTC
 Ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ TC

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Quý IV/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	TM	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		161,000,000,000	161,000,000,000	-	-	-	-	161,000,000,000	161,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		271,963,694	271,963,694	-	-	-	-	271,963,694	271,963,694
8. Quỹ dự phòng tài chính		271,963,694	271,963,694	-	-	-	-	271,963,694	271,963,694
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		2,218,541,275	3,371,861,196	1,153,319,921	-	9,418,149,324	-	3,371,861,196	12,790,010,520
Cộng		163,762,468,663	164,915,788,584	1,153,319,921	-	9,418,149,324	-	164,915,788,584	174,333,937,908

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2015

Phụ trách kế toán

Dương Thu Hà



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 08 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính và thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán; Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán (*Theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp*);

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Máy móc, thiết bị	02 - 05 năm
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Phần mềm	05 - 08 năm

Từ tháng 6/2013 Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Năm 2012, Công ty áp dụng việc chi trả trợ cấp mất việc làm theo Thông 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Theo đó, khi phát sinh chi trợ cấp mất việc làm Công ty hạch toán khoản chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động theo quy định tại Thông tư này vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Riêng năm 2012, sau khi chi trả trợ cấp mất việc làm cho cán bộ công nhân viên, nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm còn lại Công ty đã kết chuyển thu nhập khác theo đúng hướng dẫn tại Thông tư nêu trên.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh;

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức được xác lập.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã ghi nhận.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

12. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính được ghi nhận phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính- *hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.*

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐKT

1 . Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/09/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
<i>Công ty</i>	<i>8,523,851,572</i>	<i>1,280,586,380</i>
Tiền mặt	60,931,320	227,895,748
Tiền gửi ngân hàng	8,462,920,252	1,052,690,632
Các khoản tương đương tiền	-	-
<i>Tiền của nhà đầu tư</i>	<i>58,323,849,108</i>	<i>57,651,041,271</i>
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	58,323,849,108	57,651,041,271
Cộng	<u>66,847,700,680</u>	<u>58,931,627,651</u>

Đơn vị tính: VND

2 . Giá trị, khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
<i>a) Cửa công ty chứng khoán</i>	<i>41,167</i>	<i>630,022,200</i>
- Cổ phiếu	41,167	630,022,200
- Trái phiếu		
- Chứng khoán khác		
<i>b) Cửa nhà đầu tư</i>	<i>622,627,735</i>	<i>6,371,667,324,000</i>
- Cổ phiếu	622,624,885	6,371,639,314,000
- Trái phiếu		
- Chứng khoán khác	2,850	28,010,000
Tổng cộng	622,668,902	6,372,297,346,200

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ : Tầng 1, toà nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: 04.35730073 Fax: 04.35730088

Kỳ báo cáo kết thúc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban hành theo T.Tư số 95/2208/TT-BTC

Ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ TC

3. Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ sách		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Tăng		Giảm		Cuối kỳ	Đầu kỳ
					Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ		
I. Chứng khoán thương mại	1,744,532	1,775,970	23,768,305,830	24,585,349,469	14,253,645	8,144,207	39,061,975	594,181,476	68,177,500	407,292,200
- Cổ phiếu Cty Niêm yết	5,119	45,970	92,985,830	993,329,469	14,253,645	8,144,207	39,061,975	594,181,476	68,177,500	407,292,200
HT1	-	10,000	-	207,866,000			-	157,866,000	-	50,000,000
VCG	-	28,664	-	655,133,400			-	365,627,000	-	289,506,400
Các cổ phiếu khác	5,119	7,306	92,985,830	130,330,069	14,253,645	8,144,207	39,061,975	70,688,476	68,177,500	67,785,800
- Cổ phiếu Cty chưa Niêm yết (*)	1,739,413	1,730,000	23,675,320,000	23,591,020,000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam	50,000	50,000	525,000,000	525,000,000					-	-
Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,000	30,000	966,020,000	966,020,000					-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh	400,000	400,000	9,600,000,000	9,600,000,000					-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 1	9,413	-	84,300,000	-					-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Thế giới vàng	-	-	-	-					-	-
Công ty CP Đầu tư Khởi Nghiệp	650,000	650,000	6,500,000,000	6,500,000,000					-	-
Công ty CP Đầu tư Tài Việt	600,000	600,000	6,000,000,000	6,000,000,000					-	-
- Trái phiếu	-	-	-	1,000,000						
UNI	-	-	-	1,000,000						
II. Đầu tư ngắn hạn khác			4,000,000,000	9,000,000,000					4,000,000,000	9,000,000,000
Công ty cổ phần Trường Thi Thanh Hoá (ngắn hạn)	-	-	4,000,000,000	9,000,000,000	-	-	-	-	4,000,000,000	9,000,000,000



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ : Tầng 1, toà nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: 04.35730073 Fax: 04.35730088

Kỳ báo cáo kết thúc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban hành theo T.Tư số 95/2208/TT-BTC

Ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ TC

3. Tình hình đầu tư tài chính (tiếp)

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Ghi chú
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	
III. Đầu tư chứng khoán dài hạn	1,700,000	1,700,000	17,000,000,000	17,000,000,000	
Mua cổ phần của Cty CP ĐTXD&TM Điện lực Miền Bắc	1,700,000	1,700,000	17,000,000,000	17,000,000,000	
IV. Đầu tư dài hạn khác	-	-	15,000,000,000	15,000,000,000	
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần Trường Thi Thanh Hoá (dài hạn)	-	-	15,000,000,000	15,000,000,000	

(*) Ghi chú:

Những cổ phiếu chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, do không thể thu thập được giá thị trường của các loại cổ phiếu này nên giá trị thị trường của các loại cổ phiếu này được phân ánh theo giá trị sổ sách kế toán của công ty.

5 . Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	10,000,000	10,000,000
Tạm ứng	1,633,854,313	1,781,968,988
Cộng	<u>1,643,854,313</u>	<u>1,791,968,988</u>

6 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	8,378,795,794	2,704,619,600	-	1,038,506,238	12,121,921,632
Số tăng trong năm	-	1,062,420,000	-	-	1,062,420,000
- Mua trong năm	-	1,062,420,000	-	-	1,062,420,000
Giảm trong năm	759,547,621	531,545,000	-	-	1,291,092,621
Điều chuyển tài sản	95,554,000	-	-	95,554,000	191,108,000
Tại ngày 31/12/2014	<u>7,714,802,173</u>	<u>3,235,494,600</u>	-	<u>942,952,238</u>	<u>11,893,249,011</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	7,321,149,283	1,181,352,645	-	977,918,613	9,480,420,541
Số tăng trong năm	518,281,413	426,937,364	-	39,222,409	984,441,186
- Khấu hao trong năm	518,281,413	426,937,364	-	39,222,409	984,441,186
- Điều chuyển tài sản	74,188,784	-	-	74,188,784	-
Số giảm trong năm	759,547,620	498,815,632	-	-	1,258,363,252
Tại ngày 31/12/2014	<u>7,154,071,860</u>	<u>1,109,474,377</u>	-	<u>942,952,238</u>	<u>9,206,498,475</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	1,057,646,511	1,523,266,955	-	60,587,625	2,641,501,091
Tại ngày 31/12/2014	<u>560,730,313</u>	<u>2,126,020,223</u>	-	-	<u>2,686,750,536</u>

Tổng nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là: 8.061.391.441đ

7 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	Phần mềm website	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	-	26,907,496,930	1,200,000,000	313,000,000	28,420,496,930
Số tăng trong năm	-	800,000,000	-	-	800,000,000
- Mua trong năm	-	800,000,000	-	-	800,000,000
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	-	<u>27,707,496,930</u>	<u>1,200,000,000</u>	<u>313,000,000</u>	<u>29,220,496,930</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	-	13,624,956,435	240,000,000	560,932	13,865,517,367
Số tăng trong năm	-	3,505,203,034	240,000,000	104,333,328	3,849,536,362
- Khấu hao trong năm	-	3,505,203,034	240,000,000	104,333,328	3,849,536,362
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	-	<u>17,130,159,469</u>	<u>480,000,000</u>	<u>104,894,260</u>	<u>17,715,053,729</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	-	13,282,540,495	960,000,000	312,439,068	14,554,979,563

Tại ngày 31/12/2014	-	10,577,337,461	720,000,000	208,105,740	11,505,443,201
---------------------	---	-----------------------	--------------------	--------------------	-----------------------

8 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
Chi phí sửa chữa chi nhánh Hồ Chí Minh	50,556,897	160,477,368
Chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ	44,972,213	320,382,931
Chi phí công cụ dụng cụ	337,319,479	19,389,959
Cộng	432,848,589	500,250,258

9 . Tài sản dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
Ký cược, ký quỹ dài hạn	431,300,000	431,300,000
Cộng	431,300,000	431,300,000

10 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
Thuế giá trị gia tăng	228,410,273	53,507,772
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,662,898,023	157,258,281
Thuế thu nhập cá nhân	328,433,164	302,641,175
Cộng	2,219,741,460	513,407,228

11 . Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
Kinh phí công đoàn	161,266,253	122,449,423
Bảo hiểm xã hội	143,442,953	68,992,432
Bảo hiểm y tế	29,516,960	16,226,756
Bảo hiểm thất nghiệp	11,410,827	5,423,348
Phải trả cổ tức	650,040,000	704,340,000
Phải trả phải nộp khác	3,766,994,421	383,973,715
Cộng	4,762,671,414	1,301,405,674

12 . Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2014	01/01/2014
Phải trả Sở giao dịch chứng khoán	25,705,822,400	31,940,608,400
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán	23,410,000	54,000,000
Phải trả tổ chức và cá nhân khác	32,594,616,704	25,655,833,264
Cộng	58,323,849,104	57,650,441,664

13 . Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2014	01/01/2014
Tiền cho thuê nhà nhận trước	232,163,583	616,800,672
Cộng	232,163,583	616,800,672

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BCKQHĐKD

14 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý IV/2014</u>
Trong đó:	
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	6,879,730,037
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	622,398,900
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	2,164,727,274
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	98,573,396
- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	630,400,814
- Doanh thu khác	3,458,452,958
Cộng	<u><u>13,854,283,379</u></u>

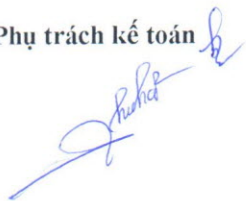
15 . Chi phí hoạt động kinh doanh

	<u>Quý IV/2014</u>
Chi phí kinh doanh chứng khoán	3,177,766,716
Cộng	<u><u>3,177,766,716</u></u>

16 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Quý IV/2014</u>
Chi phí thuế TNDN	1,662,898,023
Cộng	<u><u>1,662,898,023</u></u>

Phụ trách kế toán



Dương Thu Hà

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám Đốc



Đoàn Ngọc Hoàn